

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/09/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên và ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 08 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/09/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1960;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Norderstein STR 2q – 27472 – Cuxhaven – Đức.

- Bị đơn: Bà Lê Bạch H, sinh năm 1975;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Cộng hòa Liên bang Đức.

- Người được ủy quyền giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án của ông Nguyễn Minh T: Bà Vũ Thị Thanh H1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa Ông T và bà H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông và bà Lê Bạch H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 06/05/2009 tại UBND Xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2010, ông T làm giấy tờ bảo lãnh bà H sang Cộng hòa Séc để đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, khi sang đến Séc thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2013 cho đến nay, bà H và ông T không liên lạc với nhau, ông T cũng không biết bà H đang ở đâu. Ông T xác định cuộc sống vợ chồng của ông và bà H ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà H để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông T và bà H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Ông T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cụ Vũ Thị V là mẹ của bà Lê Bạch H. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2020 và 07/08/2020, cụ V trình bày: Ông T và bà H kết hôn vào năm 2009. Bà H đi nước ngoài từ năm 2010, do đã lâu ngày nên cụ V không nhớ chính xác. Bà H vẫn thường xuyên liên lạc về hỏi thăm sức khỏe cụ và gia đình. Bà H đã được cụ Viện thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi và bà H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Ông T làm đơn xin ly hôn, bà H xác định vợ chồng ly thân nhau từ lâu, vợ chồng không liên lạc với nhau, tình cảm không còn nên bà H đồng ý ly hôn ông T. Do bà H không cung cấp địa chỉ cụ thể ở nước ngoài nên cụ V không biết, không thể cung cấp cho Tòa án.

Theo bản tự khai của bà Lê Bạch H do cụ V cung cấp, bà H trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 06/05/2009 tại UBND Xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn. Trong thời gian chung sống, bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, xác định cuộc sống vợ chồng của bà và ông T ly thân đã lâu nên bà H đồng ý ly hôn với ông T.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai chị Vũ Thị Thanh H1 là người được ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của ông Nguyễn Minh T. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 12/03/2020 và ngày 06/08/2020, chị H1 trình bày: Chị H1 hoàn toàn đồng ý việc Ông T ủy quyền cho chị Huyền thay mặt ông T giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Ông T có trình bày đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà H theo quy định của pháp luật. Do hiện nay ông T đang ở nước ngoài nên không thể ở Việt Nam theo giấy triệu tập của Tòa án nên đề nghị Tòa án cho ông T vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như xét xử vụ án. Các văn bản tố tụng của Tòa án sẽ gửi thông qua chị H1 để gửi sang cho ông T.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 4689/QLXNC-P5 ngày 03/04/2020 thể hiện:

- Bà Lê Bạch H, sinh ngày 03/09/1975 tại Hải Phòng, CMND số: 142173305, địa chỉ thường trú tại: Thôn K, Xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu B1746558 ngày 17/01/2008 (đã hết hạn); có thông tin xuất nhập cảnh ngày 12/10/2010 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu trên, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

- Ông Nguyễn Minh T, sinh ngày 16/04/1960, chỉ có thông tin nhập xuất cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 03/03/2019 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số N1817321, do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (Ông T, bà H đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Về hướng giải quyết vụ án: Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương xác định do thời hạn chuẩn bị xét xử chưa hết nên đề nghị HĐXX cần tiếp tục yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ, hết thời hạn chuẩn bị xét xử thì sẽ giải quyết theo

quy định của pháp luật. Do đó, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về Tố tụng: Ông Nguyễn Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa ông và bà Lê Bạch H. Ông T và bà H hiện đang sinh sống tại Cộng hòa Liên bang Đức, ông T có ủy quyền cho chị Vũ Thị Thanh H1 giao nộp và nhận các văn bản tố tụng. Do đó, TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37; Điều 39; Điều 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt lần hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Bạch H được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 06/05/2009 tại UBND Xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2010, ông T đã làm giấy tờ bảo lãnh bà H sang Cộng hòa Séc để đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do từ khi sang Séc thì vợ chồng ông T và bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, khác biệt về tính cách và quan điểm sống nên từ năm 2013 cho đến nay, bà H và ông T không còn chung sống và liên lạc với nhau. Ông T xác định cuộc sống vợ chồng của ông và bà H ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng, cả hai bên không đem lại hạnh phúc cho nhau. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của ông T và bà H là trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Ông T và bà H không có con chung nên vấn đề con chung không được đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho ông Nguyễn Minh T ly hôn bà Lê Bạch H.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0002090 ngày 10/03/2020. Ông T đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Bạch H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND Xã H, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn